

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 138/2022/HSST

Ngày 24/8/2022.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM. THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cồ Khắc Đàm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Hiến

2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tứ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 116/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022 theo quyết định đưa ra xét xử số 116/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Minh K, sinh năm 1986 tại Quảng Ninh; Giới tính: Nam; ĐKKHKT cũ: Tổ 40, Phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Nơi chuyển HKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: CT2, đường Đ, phường X, quận N, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Trần Văn V; Họ tên mẹ: Trần Thị Vân A; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hải P, sinh năm 1993, có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/5/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** Chị Nguyễn Thị Thu P1, Sinh năm 1993

Trú tại: thôn H, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/6/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện G nhận được đơn tố cáo của chị Nguyễn Thị Thu P1 - Sinh: 1993, trú tại: thôn H, xã C, huyện G, Hà Nội về việc: Ngày 13/4/2021, Trần Minh K - Sinh: 1986, trú tại: khu 1, phường H, thành phố H, Quảng Ninh có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 199.000.000 đồng của chị P1 thông qua việc mua bán khẩu trang.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Trần Minh K khai nhận: Khoảng tháng 4/2021, do cần tiền trả nợ nên K nảy sinh ý định đưa ra các thông tin giả có khẩu trang muốn bán làm cho chị P1 tin là thật sẽ chuyển tiền mua khẩu trang sau đó K chiếm đoạt số tiền chị P1. Để thực hiện mục đích trên, K chỉ dẫn chị P1 đến kho của Công ty X tại địa chỉ: xã K, huyện M, Hà Nội để xem khẩu trang. Sau khi xem khẩu trang xong chị P1 đồng ý mua của K 1.000 thùng khẩu trang loại kháng khuẩn 4 lớp đủ vỏ thùng, vỏ hộp giá 350.000 đồng/ 1 thùng, Phương đã chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng vào số tài khoản 0141000555241 mang tên Trần Minh K tại Ngân hàng V, hẹn ngày 14/4/2021 đến kho lấy hàng. K đồng ý. Số tiền trên K không mua khẩu trang mà đã chuyển số tiền 19.900.000 đồng đến số tài khoản 1017778126 mang tên Hà Văn N tại Ngân hàng V để trả nợ.

Ngày 14/4/2021, chị P1 đến kho hàng tại xã K, huyện M, Hà Nội để mua khẩu trang của K như đã đặt cọc thì được anh Ngô Quốc U - Sinh: 1986, trú tại: Khu đô thị L, phường H, quận H, Hà Nội là thủ kho nói đã hết loại khẩu trang mà chị P1 đã xem hôm trước nên chị P1 gọi điện cho K nói không mua khẩu trang nữa. Để tiếp tục chiếm đoạt tiền của chị P1 thì K đưa ra thông tin giả nói có loại khẩu trang không có vỏ thùng, vỏ hộp sẽ bán cho chị P1 với giá rẻ 200.000.000 đồng/1.000 thùng. Chị P1 tin tưởng là thật, đồng ý mua và thỏa thuận trừ chi phí thuê xe 1.000.000 đồng, chị P1 trả cho K số tiền 199.000.000 đồng, K đồng ý. Chị P1 đã chuyển cho K số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản 0141000555241 mang tên Trần Minh K tại Ngân hàng V, sau đó K chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản 103869580163 Ngân hàng V cho chị Trần Thị Thanh H - Sinh 1982, trú tại: Xã Đ, huyện H, Hà Nội để đặt mua 1.000 thùng khẩu trang kháng khuẩn 4 lớp không có vỏ thùng, vỏ hộp giá 370.000 đồng/ 1 thùng sau đó để K bán lại cho chị P1, còn 10.000.000 đồng K chuyển

vào tài khoản 1017778126 mang tên Hà Văn N tại Ngân hàng V để trả nợ. Sau khi chị P1 nhận đủ 1.000 thùng khẩu trang của chị H chuyển lên xe, chị P1 đã chuyển số tiền 149.000.000 đồng trả cho K nhưng K không trả tiền cho chị H nên chị H không đồng ý cho chị P1 lấy khẩu trang. Số tiền 149.000.000 đồng K chiếm đoạt của chị P1, K trả nợ 100.000.000 đồng cho Đỗ Văn T; 18.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị D, sinh: 2001, trú tại: Xã N, huyện N, Thanh Hóa; 8.900.000 đồng chuyển đến số tài khoản 1017778126 mang tên Hà Văn N tại Ngân hàng V và số tiền 22.000.000 đồng cho Mai Văn C không rõ nhân thân. Lời khai nhận tội của bị can Trần Minh K phù hợp với lời khai bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Theo bị cáo Trần Minh K khai số tiền chiếm đoạt của chị P1 đã trả cho chị Nguyễn Thị D; anh Đỗ Văn T; anh Mai Văn C và anh Hà Văn N. Đối với anh Mai Văn C không rõ nhân thân, chị D, anh T, anh N không biết số tiền trên do K phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý.

Về dân sự: Ngày 20/4/2021, bị cáo Trần Minh K đã trả chị P1 40.000.000 đồng. Chị P1 yêu cầu bị cáo Trần Minh K phải trả số tiền 159.000.000 đồng. Ngày 28/4/2022 và ngày 26/5/2022, ông Trần Văn V - Sinh: 1958; Địa chỉ: Toà CT2 Đ, phường X, quận B, Hà Nội (là bố đẻ bị can Trần Minh K) đã nộp cho Cơ quan điều tra tổng số tiền 100.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 118/CT-VKSGL ngày 03 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm truy tố bị cáo Trần Minh K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015- sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Minh K khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận đã có hành vi *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố tại phiên tòa hôm nay và xác nhận hoàn toàn đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ và hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo với nội dung Cáo trạng truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Minh K phạm tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*, xử phạt Trần Minh K từ 42 tháng đến 48 tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Trần Minh K phải bồi thường cho Người bị hại là chị Nguyễn Thị Thu P1 số tiền 59.000.000 đồng(Năm mươi chín triệu đồng).

- Trả cho chị Nguyễn Thị Thu P1 tiền 100.000.000 đồng(Một trăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0055158 ngày 12/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội.

Trong phần Tranh luận bị cáo không có ý kiến gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, khi nói lời sau cùng bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh K không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ xác định: Ngày 14/4/2021, tại thôn H, xã C, huyện G, Hà Nội, bị cáo Trần Minh K đã dùng thủ đoạn gian dối thông qua việc bán khẩu trang kháng khuẩn 4 lớp và đã chiếm đoạt số tiền 199.000.000 đồng chị Nguyễn Thị Thu P1. Vì vậy, hành vi của bị cáo Trần Minh K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015- sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng

nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi gian dối là đưa ra thông tin giả (không đúng sự thật) nhưng làm cho người khác tin đó là thật và giao tài sản cho bị cáo và bị cáo đã chiếm đoạt tài sản. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, do vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo và gia đình đã tự nguyện nộp số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để bồi thường, khắc phục hậu quả. Đồng thời, gia đình bị cáo nộp cho Tòa án các huân, huy chương kháng chiến, huân huy chương chiến sỹ vẻ vang do Nhà nước tặng thưởng cho ông Trần Đức H1 và bà Bùi Thị V1 là ông bà ngoại của bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Về nhân thân: Bị cáo Trần Minh K có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, số tiền bị cáo chiếm đoạt rất lớn nên cần áp dụng hình phạt tù giam tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục cũng như phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: HĐXX xét yêu cầu của người bị hại đề nghị bị cáo Trần Minh K phải bồi thường số tiền 159.000.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu đồng) đã chiếm đoạt là hợp pháp và có căn cứ. Bị cáo và gia đình bị

cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Số tiền còn lại 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng) bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 mục I, khoản 1 mục II Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Bị cáo, Người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015- sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1]. Xử phạt: Bị cáo Trần Minh K **04**(Bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2022.

[2]. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Minh K phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu P1 số tiền 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng).

Trả cho chị Nguyễn Thị Thu P1 số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0055158 ngày 12/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội.

[4]. Về án phí: Bị cáo Trần Minh K phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.950.000 đồng (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn xin thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

[5]. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Công an huyện G;
- Trại tạm giam số 2 CA Hà Nội;
- Thi hành án dân sự H. Gia Lâm;
- Sở tư pháp Hà Nội;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cồ Khắc Đàm